

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN  
SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 31



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN**

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 10 năm 2010.

Công ty có 1 công ty con là Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng.

Trụ sở hoạt động của Công ty con được đặt tại khu B1 – 6 KCN Dịch vụ thủy sản Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty con là kinh doanh vận tải, đại lý tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Việt Triều	Chủ tịch
Ông Henrik N.Andersen	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Thành viên
Ông Hasse Kjaers Goard Larsen	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Ông Phạm Hoàng Hiệp  
Bà Võ Ngọc Thủy  
Bà Nguyễn Thị Kim Chuyên

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Ngọc Lâm  
Ông Nguyễn Quang Việt  
Ông Lê Minh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2012)  
Phó Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**Ông ĐỖ VIỆT TRIỀU**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Số: 40/2013/BCKT.HN -HCM.00407

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") và công ty con, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

1. Như đã nêu tại mục 9.4 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, một số báo cáo tài chính riêng của các công ty liên doanh, liên kết cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó báo cáo tài chính hợp nhất này có thể bị thay đổi nếu tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh vào báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Theo thông báo số 300/SSC-TBi ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn tuyên bố tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía Đông của Sri Lanka lúc 10 giờ 30 (giờ địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012, đồng thời tuyên bố tổn thất toàn bộ đối với tàu Saigon Queen kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và chuyển giao quyền cho Công ty Bảo Việt Sài Gòn xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, sự cố trên vẫn chưa có kết luận chính thức từ các cơ quan chức năng và Công ty Bảo Việt Sài Gòn. Do đó số tiền bảo hiểm thân tàu theo hợp đồng bảo hiểm có giá trị là 4.200.000 USD chưa được Công ty Bảo Việt Sài Gòn xem xét bồi thường. Đồng thời Công ty vẫn chưa ghi nhận tổn thất tàu Saigon Queen với giá trị còn lại và một số chi phí khác ước tính là 78.192.876.859 VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn và công ty con, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các vấn đề như sau:

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 VND (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh). Nếu ghi nhận khoản thuế phải nộp này vào sổ sách, lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
2. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn và công ty con là Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn lần lượt là 49.324.398.821 VND và 3.066.965.294 VND. Điều này có thể dẫn đến Công ty và Công ty con gặp khó khăn khi thanh toán các khoản nợ đến hạn.



**ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.997.045.681</b>	<b>25.566.975.978</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>1.235.254.076</b>	<b>2.690.996.121</b>
Tiền	111		1.235.254.076	2.690.996.121
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>11.792.448.372</b>	<b>11.366.343.001</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	9.617.844.252	9.868.653.630
Trả trước cho người bán	132	4.3	1.018.094.034	588.493.203
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	8.612.851.190	8.365.537.272
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.456.341.104)	(7.456.341.104)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>2.828.612.726</b>	<b>5.461.710.946</b>
Hàng tồn kho	141		2.828.612.726	5.461.710.946
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.140.730.507</b>	<b>6.047.925.910</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	7.878.004.640	5.147.295.244
Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.393.609	27.697.128
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		30.976.076	30.976.076
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	1.072.356.182	841.957.462



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>383.735.800.878</b>	<b>396.071.942.586</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>311.626.315.619</b>	<b>327.614.902.188</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	277.076.728.092	293.569.533.390
Nguyên giá	222		373.466.574.729	372.636.781.791
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.389.846.637)	(79.067.248.401)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	12.842.556.421	12.952.400.824
Nguyên giá	228		14.884.953.076	14.884.953.076
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.042.396.655)	(1.932.552.252)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	21.707.031.106	21.092.967.974
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.11	<b>12.763.175.088</b>	<b>14.076.432.804</b>
Nguyên giá	241		26.962.855.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.199.680.254)	(12.886.422.538)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>59.223.876.703</b>	<b>54.225.156.703</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.12	72.207.811.472	67.209.091.472
Đầu tư dài hạn khác	258	4.13	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.14	(18.983.934.769)	(18.983.934.769)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122.433.468</b>	<b>155.450.891</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		59.933.468	92.950.891
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		62.500.000	62.500.000
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>408.732.846.559</b>	<b>421.638.918.564</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>287.431.247.047</b>	<b>284.553.307.738</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77.388.409.796</b>	<b>71.598.456.382</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.15	22.195.413.428	24.656.751.909
Phải trả cho người bán	312	4.16	21.890.459.899	20.175.006.142
Người mua trả tiền trước	313	4.17	565.677.398	5.152.652.242
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.18	587.444.942	1.030.008.283
Phải trả công nhân viên	315		687.668.384	1.180.351.881
Chi phí phải trả	316	4.19	15.996.519.189	4.610.411.764
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	15.496.676.556	14.824.724.161
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(31.450.000)	(31.450.000)
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>210.042.837.251</b>	<b>212.954.851.356</b>
Vay và nợ dài hạn	334	4.21	201.914.846.188	206.878.189.688
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.22	8.127.991.063	6.076.661.668
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.994.897.138</b>	<b>130.513.396.551</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.23	<b>114.994.897.138</b>	<b>130.513.396.551</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.200.000.000	144.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.436.551.000	11.436.551.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.351.163.726	9.351.163.726
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.309.606.047	1.309.606.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(51.302.423.635)	(35.783.924.222)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	4.24	<b>6.306.702.374</b>	<b>6.572.214.275</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>408.732.846.559</b>	<b>421.638.918.564</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		16.129.905.471	16.129.905.471
Ngoại tệ các loại (USD)		4.012,90	4.886,16
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>169.450.125.140</b>	<b>160.912.500.900</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.636.364	-
Doanh thu thuần	10	5.1	169.436.488.776	160.912.500.900
Giá vốn hàng bán	11	5.2	165.957.760.792	150.599.521.160
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>3.478.727.984</b>	<b>10.312.979.740</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	10.268.728.854	575.922.492
Chi phí tài chính	22	5.4	18.358.842.643	34.619.541.720
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		18.154.230.505	17.101.116.219
Chi phí bán hàng	24		9.650.905	3.943.136
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	8.425.315.958	8.621.616.548
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(13.046.352.668)</b>	<b>(32.356.199.172)</b>
Thu nhập khác	31	5.6	667.565.335	1.452.535.368
Chi phí khác	32	5.7	879.894.586	1.388.687.418
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(212.329.251)</b>	<b>63.847.950</b>
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>10.576.292.979</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(13.258.681.919)</b>	<b>(21.716.058.243)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.051.329.395	2.051.329.395
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(15.310.011.314)</b>	<b>(23.767.387.638)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(265.511.901)	(364.355.093)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		<b>(15.044.499.413)</b>	<b>(23.403.032.545)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.8</b>	<b>(1.043)</b>	<b>(1.623)</b>



**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(13.258.681.919)	(21.716.058.243)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.980.756.831	19.591.672.919
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	86.484.790	16.889.336.601
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.214.928.678)	(11.411.180.862)
Chi phí lãi vay	06	18.154.230.505	17.101.116.219
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>13.747.861.529</b>	<b>20.454.886.634</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.203.634.174)	620.532.109
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.633.098.220	629.093.513
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(2.287.276.079)	(3.478.591.915)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.697.691.973)	(2.015.940.261)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.873.957.146)	(14.373.910.965)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	152.950.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(492.700.699)	(275.958.517)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.978.649.678</b>	<b>1.560.110.598</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.443.856.070)	(9.595.178)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	355.127.273	1.131.833.716
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.998.720.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.093.893.081	6.013.784.150
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.006.444.284</b>	<b>7.136.022.688</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.906.279.857	7.091.451.320
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.347.121.838)	(20.173.870.902)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.440.841.981)</b>	<b>(13.082.419.582)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(1.455.748.019)</b>	<b>(4.386.286.296)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>2.690.996.121</b>	<b>7.070.690.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.974	6.591.425
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>1.235.254.076</b>	<b>2.690.996.121</b>

NGÔ HỒNG VÂN

Phó phòng Tài chính Đầu tư



ĐỖ NGỌC LÂM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng (gọi chung là "Tập đoàn").

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty mẹ:

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ thủy sản Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	56,56%	56,56%

Công ty liên doanh, liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Lý do
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đang trong quá trình thanh lý giải thể

Trong năm 2012, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn và phù hợp với chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ, trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty con.

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 năm

### 3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.



### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### **3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm

### **3.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### **3.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí này được phân bổ không quá 3 năm.

### **3.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/ (thấp) hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

### 3.14 Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

### 3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh APM-Saigon shipping Company Ltd.	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Việt Nam	Công ty liên kết

48995  
G TY  
EM HUU  
TOAN  
T NA  
HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	54.626.973	117.095.742
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.097.007.360	2.472.128.155
Tiền gửi ngân hàng - USD	83.619.743	101.772.224
	<b>1.235.254.076</b>	<b>2.690.996.121</b>

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Korea Express Logistics	838.653.967	60.173.933
Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng	72.466.498	99.000.000
Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải Quốc Tế	-	579.996.403
Công ty TNHH Quang Thuận	808.000.000	808.000.000
Chi nhánh công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại Thương TPHCM tại Hà Nội	1.396.421.867	-
Công ty TNHH Vận tải Hà Việt	182.017.034	227.935.677
Công ty TNHH Hiệp Lợi Khang	61.600.000	69.300.000
Công ty TNHH Vận tải KAS Hà Nội	327.970.472	222.932.512
Cty TNHH GN Hoa San Vina tại Hà Nội	200.625.783	-
Công ty CP Que Hàn Điện Hà Việt	28.395.880	13.241.534
T.K.B Shipping A/S	-	321.069.868
Flogis International Corp	-	2.344.303.246
Công ty TNHH MTV Đồng Nước Vàng	-	176.800.000
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.472.372.872	1.435.624.365
Tổng công ty SAMCO	322.209.566	84.753.690
Maraqqa Shipping Pvt Ltd	264.468.529	-
Công ty TNHH Minh Hiền	249.882.000	-
Công ty TNHH DV Vận tải Bảo Bình Phát	215.197.600	-
DNTN Nhất Duy	170.816.931	85.565.523
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nhật Phương	170.452.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Biển Vàng	209.964.609	161.383.891
Công ty TNHH DV VT TM Vũ Long	131.554.000	-
Công ty TNHH Gimaex Việt Nam	49.543.520	-
Công ty TNHH Hiệp Long	54.150.000	-
Công ty TNHH TMDV XNK Long Tiến	68.100.000	-
Công ty TNHH M.T.M	40.969.395	40.969.395
Công ty TNHH PCF Việt Nam	72.900.000	-
Công ty CP Sản xuất TMDV Saky	96.286.000	-
Công ty TNHH TM VT Tín Đạt	32.822.906	71.000.000
Công ty TNHH TPL	69.100.000	-
Công ty LD GN KV Bình Minh	42.851.675	101.800.144
Công ty TNHH Foco Việt Nam	53.125.714	-
Công ty TNHH TM DV Vận tải An Hòa	52.819.902	88.257.260
Các khách hàng khác	1.862.105.532	2.876.546.189
	<b>9.617.844.252</b>	<b>9.868.653.630</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Indus Shipping Agency Pvt Ltd	121.797.000	-
Công ty TNHH DV DL Hàng hải Thuận Phong	-	101.101.250
Công ty TNHH TM-DV Sửa chữa tàu biển Viễn Hùng	117.000.000	147.066.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Nhật Quang	60.700.000	-
Công ty TNHH Tuấn Nguyệt	90.000.000	90.000.00
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Hoàng Quân	62.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Biển Việt	130.293.982	-
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Hoàng Quân	62.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và CNHH Sài Gòn	200.000.000	-
Công ty TNHH Nam Biển Nam	55.000.000	33.400.000
Rajah & Tann LLP Clients	48.614.218	-
Các nhà cung cấp khác	70.688.834	250.325.953
	<b>1.018.094.034</b>	<b>588.493.203</b>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền bán cổ phần cho CBCNV	321.614.714	321.614.714
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747 (*)	5.849.054.747
Công nợ phải thu chờ xử lý	1.555.209.374 (*)	1.555.209.374
Phí chi hộ cho tàu	-	104.059.653
Lãi liên doanh phải thu	592.722.765	200.000.000
Phải thu khác	294.249.590	335.598.784
	<b>8.612.851.190</b>	<b>8.365.537.272</b>

(\*) Công nợ đã được lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

**4.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	137.428.846	107.988.172
Nhiên liệu	2.192.504.597	5.170.768.190
Công cụ, dụng cụ	11.615.345	11.728.045
Hàng hóa	487.063.938	171.226.539
	<b>2.828.612.726</b>	<b>5.461.710.946</b>

**4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa	1.735.174.152	4.491.845.087
Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen	5.604.922.517 (**)	-
Khác	537.907.971	655.450.157
	<b>7.878.004.640</b>	<b>5.147.295.244</b>

(\*\*) Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen bao gồm:

Chi phí sửa chữa tàu Saigon Queen	2.515.061.762
Nhiên liệu còn lại trên tàu Saigon Queen	2.804.842.615
Tiền tạm ứng cho thuyền trưởng tàu Saigon Queen	285.018.140
	<b>5.604.922.517</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	1.066.356.182	835.957.462
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
	<b>1.072.356.182</b>	<b>841.957.462</b>

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Vào ngày 01/01/2012	16.295.336.424	2.750.236.537	350.302.539.066	957.953.905	2.330.715.859	372.636.781.791
Tăng trong năm	-	-	-	39.000.000	1.757.942.326	1.796.942.326
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(413.000.000)	-	-	(413.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(554.149.388)	(554.149.388)
Phân loại lại (*)	(690.373.617)	690.373.617	(27.660.000)	27.660.000	-	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>15.604.962.807</u>	<u>3.440.610.154</u>	<u>349.861.879.066</u>	<u>1.024.613.905</u>	<u>3.534.508.797</u>	<u>373.466.574.729</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Vào ngày 01/01/2012	7.513.693.758	1.337.199.631	69.116.060.987	887.023.795	213.270.230	79.067.248.401
Khấu hao trong năm	964.771.104	240.847.080	16.070.991.668	85.291.944	195.752.916	17.557.654.712
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(184.908.324)	-	-	(184.908.324)
Giảm khác	-	-	-	-	(50.148.152)	(50.148.152)
Phân loại lại	(291.722.346)	294.722.358	(9.474.849)	6.474.837	-	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>8.186.742.516</u>	<u>1.872.769.069</u>	<u>84.992.669.482</u>	<u>978.790.576</u>	<u>358.874.994</u>	<u>96.389.846.637</u>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 01/01/2012	8.781.642.666	1.413.036.906	281.186.478.079	70.930.110	2.117.445.629	293.569.533.390
Vào ngày 31/12/2012	<u>7.418.220.291</u>	<u>1.567.841.085</u>	<u>264.869.209.584 (**)</u>	<u>45.823.329</u>	<u>3.175.633.803</u>	<u>277.076.728.092</u>

(\*) Tài sản cố định được phân loại lại trong năm chủ yếu là hệ thống chữa cháy.

(\*\*) Tàu Sài Gòn Queen và tàu Sài Gòn Princess đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Sở Giao dịch II- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Ngoài ra còn có một số tài sản đã được thế chấp, cầm cố các khoản vay với giá trị còn lại là 2.346.911.082 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, đã thông qua phương án bán hai tàu biển (Sài Gòn Queen 6500 DWT và Sài Gòn Princess 6800 DWT) và hai tàu sông (tàu Long Phú 1 và Long Phú 2).

Theo thông báo số 300/SSC-TBi ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn tuyên bố tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía Đông của Sri Lanka lúc 10 giờ 30 (địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012, đồng thời tuyên bố tổn thất toàn bộ đối với tàu Saigon Queen kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và chuyển giao quyền cho Công ty Bảo Việt Sài Gòn xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Tổng số tiền bảo hiểm theo đơn bảo hiểm thân tàu số HCM.D40.TB.12.HD ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Hợp đồng bảo hiểm tàu biển số 40.0310.009/HĐ/BHTB.2005 ngày 16 tháng 12 năm 2005 là 4.200.000 USD.

Tuy nhiên theo thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 vẫn chưa có kết luận chính thức từ cơ quan chức năng là Cục Hàng Hải Việt Nam và Công ty bảo hiểm là Công ty Bảo Việt Sài Gòn nên Công ty vẫn chưa ghi nhận tổn thất tàu Saigon Queen với giá trị còn lại và một số chi phí khác ước tính là 78.192.876.859 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Thời gian sử dụng hữu ích ước tính	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tàu Sài Gòn Queen	116.777.196.770	21 năm	44.189.242.428	72.587.954.342
Tàu Sài Gòn Princess	204.217.835.623	25 năm	25.173.319.670	179.044.515.953
Tàu Long Phú 1	7.304.746.282	15 năm	2.461.172.027	4.843.574.255
Tàu Long Phú 2	7.295.598.379	15 năm	2.454.599.555	4.840.998.824

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 8.332.635.132 VND.

**4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2012	14.731.710.968	153.242.108	14.884.953.076
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	14.731.710.968	153.242.108	<b>14.884.953.076</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2012	1.805.489.767	127.062.485	1.932.552.252
Khấu hao trong năm	92.664.780	17.179.623	109.844.403
Vào ngày 31/12/2012	1.898.154.547	144.242.108	<b>2.042.396.655</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2012	12.926.221.201	26.179.623	12.952.400.824
Vào ngày 31/12/2012	12.833.556.421	9.000.000	<b>12.842.556.421</b>

Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng đã thế chấp quyền sử dụng 5.000 m<sup>2</sup> đất lâu dài tại khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng trị giá 12.508.390.000 VND theo chứng thư thẩm định giá số 10E04TD90012-01 của Vinacontrol VN để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Bản Việt – chi nhánh Đà Nẵng (tên cũ là ngân hàng TMCP Gia Định).

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ trong năm VND	Số cuối năm VND
Công trình mở rộng trung tâm kho vận	7.484.946.511	290.304.000	-	7.775.250.511
Công trình đóng mới 2 tàu sông	13.518.072.262	413.708.333	-	13.931.780.595
Mua sắm tài sản cố định	89.949.201	-	89.949.201	-
	<b>21.092.967.974</b>	<b>704.012.333</b>	<b>89.949.201</b>	<b>21.707.031.106</b>

Riêng công trình đóng mới 2 tàu sông, Công ty đã không tiếp tục đầu tư như dự kiến ban đầu, chi tiết chi phí đã phát sinh cho dự án này như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thiết kế, lập hồ sơ mời thầu	333.401.819	333.401.819
Chi phí mua 2 máy chính YANMAR 600 HP	11.412.518.778	11.412.518.778
Chi phí lãi vay	2.185.859.998	1.772.151.665
	<b>13.931.780.595</b>	<b>13.518.072.262</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thống nhất bán 2 máy chính YANMAR 600 HP. Đồng thời theo biên bản Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 11 năm 2012, Công ty đã thống nhất cầm cố 2 bộ máy YANMAR 600 HP để giảm nợ 10 tỷ đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho Công ty TNHH MTV Ba Sơn (xem 4.16).

**4.11 Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2012	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	8.992.704.000	17.970.151.342	<b>26.962.855.342</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2012	3.376.975.270	9.509.447.268	12.886.422.538
Khấu hao trong năm	194.681.976	1.118.575.740	1.313.257.716
Vào ngày 31/12/2012	3.571.657.246	10.628.023.008	<b>14.199.680.254</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2012	5.615.728.730	8.460.704.074	14.076.432.804
Vào ngày 31/12/2012	5.421.046.754	7.342.128.334	<b>12.763.175.088</b>

Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 637.015.000 VND.

**4.12 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (i)	(i)	18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH APM-Saigon Shipping (ii)	(ii)	13.768.803.015	8.770.083.015
Công ty TNHH Korea Express Logistics (iii)	(iii)	11.308.426.370	11.308.426.370
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh (iv)	(iv)	28.146.647.318	28.146.647.318
		<b>72.207.811.472</b>	<b>67.209.091.472</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 2 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn đang trong quá trình thanh lý giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 ngày 8 tháng 8 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping là 250.000 USD, tương đương 25% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Đến ngày 23 tháng 9 năm 2011, Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 hết hạn. Theo Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ, Công ty phải nắm giữ ít nhất 49% vốn pháp định. Hai bên đối tác đã thống nhất lập hồ sơ xin gia hạn Liên doanh không dưới 05 năm, tăng vốn của Công ty lên 490.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ bằng tiền chia lãi năm 2011 của Liên doanh cho Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23 tháng 9 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000270 ngày 4 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 9 tháng 2 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Korea Express Logistics là 540.000 USD, tương đương 33,75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2012 ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về thoái phần vốn góp 33,75% trong Công ty TNHH Korea Express Logistics. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 Nghị quyết này vẫn chưa được thực hiện.

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000401 ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh là 33.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty theo hợp đồng liên doanh là 50%. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

#### 4.13 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
		<b>6.000.000.000</b>		<b>6.000.000.000</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308976796 ngày 8 tháng 6 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 3 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế là 12.000.000.000 VND, tương đương với 4% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp được 6.000.000.000 VND.

#### 4.14 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	18.983.934.769
	<b>18.983.934.769</b>	<b>18.983.934.769</b>

Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do Công ty này đang trong quá trình thanh lý giải thể.

#### 4.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội-chi nhánh Đà Nẵng	1.761.914.275	(a)	1.257.954.909
Ngân hàng TMCP Bản Việt-chi nhánh Đà Nẵng	2.934.139.153	(a)	698.173.000
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	3.600.000.000	(b)	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn	-		1.666.240.000
Vay dài hạn đến hạn trả -VND	11.400.000.000	(c)	9.120.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả -USD	2.499.360.000	(d)	8.914.384.000
	<b>22.195.413.428</b>		<b>24.656.751.909</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (a) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng (tên cũ là ngân hàng TMCP Gia Định) được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay thay đổi theo từng thời điểm.
- (b) Số dư khoản vay Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn với lãi suất 14% - 19%/năm. Khoản vay này được sử dụng cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).
- (c) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh 4.21a).
- (d) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh 4.21b).

**4.16 Phải trả người bán**

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND
Công ty TNHH MTV Ba Son (*)	10.000.000.000	(a)	10.000.000.000
MonJasa			2.444.252.028
Bridge Oil	2.349.418.812		-
Ocean Energy Ltd	1.087.900.383		-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Đông Nam Bộ (*)	875.000.000	(b)	1.000.000.000
Công ty TNHH Xuân Lâm	1.266.000.000		-
Công ty Castrol Việt Nam Ltd	614.916.835		407.938.217
Công ty CP ĐL Hàng hải Việt Nam tại Quảng Ninh	523.568.243		-
Công ty Bảo Việt Tp.HCM	356.733.118		-
Công ty Hoa tiêu khu vực II	356.318.340		354.232.214
Công ty TNHH TMDVKT hàng hải Hoàng Phát	267.839.000		-
Cảng vụ Đà Nẵng	267.307.386		250.431.539
Cty TNHH TM vận tải Tín Đạt	257.780.000		7.850.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	388.147.461		212.371.000
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	-		618.469.970
Cảng vụ TP. HCM	197.072.457		24.484.147
Cảng vụ Hải Phòng	191.069.001		99.021.825
Công ty TNHH Vận tải Duy Chính	192.105.000		112.710.000
Các nhà cung cấp khác	2.699.283.863		4.643.245.202
	<b>21.890.459.899</b>		<b>20.175.006.142</b>

(\*) Các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán.

(a) Khoản nợ phải trả để đóng mới tàu Sài Gòn Princess .

(b) Khoản nợ phải trả để mua 2 máy chính YANMAR 600 HP cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).

**4.17 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND
Người mua trả trước/cước vận chuyển	504.964.563		2.940.986.178
Người mua trả trước/phí thuê kho	-		2.028.089.010
Các khách hàng khác	60.712.835		183.577.054
	<b>565.677.398</b>		<b>5.152.652.242</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.18 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	86.764.325	434.164.844
Thuế thu nhập cá nhân	93.837.908	136.241.620
Thuế nhà thầu nộp hộ	406.842.709	459.601.819
	<b>587.444.942</b>	<b>1.030.008.283</b>

**4.19 Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay	15.995.844.591	4.193.443.891
Chi phí cho tàu	-	286.287.026
Chi phí khác	674.598	130.680.847
	<b>15.996.519.189</b>	<b>4.610.411.764</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí lãi vay phải trả có gốc ngoại tệ là 728.368,96 USD, tương đương 15.170.468.699 VND.

**4.20 Phải trả khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	396.627.521	257.949.853
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	30.244.964	358.626.183
Bảo hiểm thất nghiệp	27.087.197	-
Phải trả cổ phần hóa	3.197.058.734	3.197.058.734
Cổ tức phải trả	5.122.519.940	5.129.173.740
Công ty CP TMDV Quảng Trường Quốc Tế	5.200.000.000 (*)	5.200.000.000
Nhận ký quỹ	618.345.400	465.395.400
Chi nhánh Hải Phòng	642.170.000	-
Công đoàn Công ty	116.249.964	-
Các khoản phải trả khác	146.372.836	216.520.251
	<b>15.496.676.556</b>	<b>14.824.724.161</b>

(\*) Đây là khoản hỗ trợ vốn có hoàn lại, không tính lãi suất.

**4.21 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	19.925.570.000	(a)	29.045.570.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	177.954.276.188	(b)	172.502.619.688
Ngân hàng TMCP Bản Việt Chi nhánh Đà Nẵng	4.035.000.000	(c)	5.330.000.000
	<b>201.914.846.188</b>		<b>206.878.189.688</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (a) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 45/HĐ-TĐP ngày 12 tháng 4 năm 2004 và phụ lục hợp đồng số 16/PLHĐ/TĐP-2006 ngày 12 tháng 6 năm 2006, lãi suất vay 3%/năm, thời hạn vay là 10 năm (từ ngày 12 tháng 4 năm 2004 đến 12 tháng 4 năm 2014), mức trả nợ gốc mỗi năm là 9.120.000.000 VND. Khoản vay này được sử dụng để đóng mới tàu Sài Gòn Queen, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (VIB) theo hợp đồng tín dụng số 0002/HĐTD2- VIB625/08 ngày 11 tháng 01 năm 2008, và phụ lục hợp đồng số 0002.1/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 23 tháng 6 năm 2008, 0002.2/PLHĐ2-VIB625/08 ngày 04 tháng 8 năm 2008, 0002.3/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 11 tháng 8 năm 2008, 0002.4/PLHĐ2-VIB625/08 ngày 19 tháng 5 năm 2009, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 06 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng USD của VIB +2,2%/năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu Sài Gòn Princess, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có gốc ngoại tệ được chi tiết như sau:

	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương (VND)
Vay dài hạn đến hạn trả	120.000,00	2.499.360.000
Vay dài hạn (*)	8.543.996,00	177.954.276.188
	<b>8.663.996,00</b>	<b>180.453.636.188</b>

(\*) Công ty và ngân hàng VIB chưa thống nhất lịch trả nợ cụ thể cho các năm sau.

- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - chi nhánh Đà Nẵng với lãi suất 1,25%/tháng và thay đổi theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay là 84 tháng. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu B1-6 thuộc khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**4.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, chi tiết phát sinh như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	6.076.661.668	4.025.332.273
Phát sinh tăng trong năm	2.051.329.395	2.051.329.395
Số dư cuối năm	<b>8.127.991.063</b>	<b>6.076.661.668</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.23 Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2011	144.200.000.000	11.436.551.000	9.351.163.726	1.309.606.047	(11.784.509.677)	154.512.811.096
Lãi/(lỗ) năm trước	-	-	-	-	(23.403.032.545)	(23.403.032.545)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	3.618.000	3.618.000
Số dư 31/12/2011	<b>144.200.000.000</b>	<b>11.436.551.000</b>	<b>9.351.163.726</b>	<b>1.309.606.047</b>	<b>(35.783.924.222)</b>	<b>130.513.396.551</b>
Số dư 01/01/2012	144.200.000.000	11.436.551.000	9.351.163.726	1.309.606.047	(35.783.924.222)	130.513.396.551
Lãi/(lỗ) năm nay	-	-	-	-	(15.044.499.413)	(15.044.499.413)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(274.000.000)	(274.000.000)
Số dư 31/12/2012	<b>144.200.000.000</b>	<b>11.436.551.000</b>	<b>9.351.163.726</b>	<b>1.309.606.047</b>	<b>(51.302.423.635)</b>	<b>114.994.897.138</b>

**Cổ phiếu**

	2012	2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

**4.24 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	6.572.214.275	6.936.569.368
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(265.511.901)	(364.355.093)
Số dư cuối năm	<b>6.306.702.374</b>	<b>6.572.214.275</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu khai thác tàu biển	106.841.532.144	96.628.609.677
Doanh thu dịch vụ hàng hải	27.299.118.550	39.290.610.526
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	18.896.325.723	9.605.088.469
Doanh thu dịch vụ kho vận	13.740.191.936	12.942.398.255
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.474.019.605	2.212.040.746
Doanh thu cho thuê thuyền viên	198.000.000	233.753.227
Doanh thu khác	937.182	-
	<b>169.450.125.140</b>	<b>160.912.500.900</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>13.636.364</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>169.436.488.776</b>	<b>160.912.500.900</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn khai thác tàu biển	116.239.327.548	97.913.986.161
Giá vốn dịch vụ hàng hải	21.252.953.507	35.604.257.200
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	22.561.793.355	10.943.383.151
Giá vốn dịch vụ kho vận	5.719.686.382	5.936.654.648
Giá vốn cho thuê thuyền viên	184.000.000	201.240.000
	<b>165.957.760.792</b>	<b>150.599.521.160</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.078.529	64.055.846
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.062.814.552	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	174.835.773	511.866.646
	<b>10.268.728.854</b>	<b>575.922.492</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	18.154.230.505	17.101.116.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	118.127.348	629.088.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.484.790	16.889.336.601
	<b>18.358.842.643</b>	<b>34.619.541.720</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	3.866.385.879	4.336.777.584
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.393.239	247.302.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.643.375	427.855.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.107.663.086	3.134.008.027
Chi phí khác	1.572.230.379	475.672.468
	<b>8.425.315.958</b>	<b>8.621.616.548</b>
5.6 Thu nhập khác	2012 VND	2011 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	355.127.273	1.221.545.456
Thu tiền bồi thường	299.500.000	
Các khoản khác	12.938.062	230.989.912
	<b>667.565.335</b>	<b>1.452.535.368</b>
5.7 Chi phí khác	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	234.091.676	296.945.833
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	-	89.711.740
Trợ cấp thôi việc cho người lao động	78.925.000	698.497.003
Các khoản khác	566.877.910	303.532.842
	<b>879.894.586</b>	<b>1.388.687.418</b>
5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	(15.044.499.413)	(23.403.032.545)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(15.044.499.413)	(23.403.032.545)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ( CP)	14.420.000	14.420.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>(1.043)</b>	<b>(1.623)</b>

## 6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh (chi tiết xem 5.1 và 5.2).

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**7.1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Các công cụ tài chính bao gồm:

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				VND	
	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011		Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.235.254.076	-	2.690.996.121	-	1.235.254.076	2.690.996.121
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.656.066.711	(7.456.341.104)	18.622.684.105	(7.456.341.104)	11.199.725.607	11.166.343.001
Đầu tư tài chính	592.722.765	-	200.000.000	-	592.722.765	200.000.000
	<b>20.484.043.552</b>	<b>(7.456.341.104)</b>	<b>21.513.680.226</b>	<b>(7.456.341.104)</b>	<b>13.027.702.448</b>	<b>14.057.339.122</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Các khoản vay	224.110.259.616	-	231.534.941.597	-	224.110.259.616	231.534.941.597
Phải trả người bán	21.890.459.899	-	20.175.006.142	-	21.890.459.899	20.175.006.142
Chi phí phải trả và phải trả khác	28.287.894.490	-	23.840.531.284	-	28.287.894.490	23.840.531.284
	<b>274.288.614.005</b>	<b>-</b>	<b>275.550.479.023</b>	<b>-</b>	<b>274.288.614.005</b>	<b>275.550.479.023</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**8. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Vay	2.600.000.000
	Trả nợ vay	2.000.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.284.539
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	1.162.601.800
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	6.016.304.352
Công ty Liên doanh APM-Saigon Shipping Company Ltd.	Góp vốn	4.998.720.000
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	3.933.454.946
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	848.112.214

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Phải trả nợ vay	(3.600.000.000)
	Phải trả lãi vay	(556.505.544)
	Phải trả cổ phần hóa	(3.197.058.734)
	Phải thu phí dịch vụ	322.209.566
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Phải thu phí dịch vụ	838.653.967
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phải thu phí dịch vụ	42.851.675

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Tiền lương	1.424.967.273	1.692.551.547
Phụ cấp	141.000.000	58.200.000
	<b>1.565.967.273</b>	<b>1.750.751.547</b>



**9. THÔNG TIN KHÁC**

**9.1. Tiền thuê đất**

Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn đang sử dụng khu đất tại số 09 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích 574 m<sup>2</sup>, trên cơ sở Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, Công ty chưa có hợp đồng thuê đất, nên chưa ước tính được tiền thuê đất phải trả cho việc sử dụng khu đất này.

**9.2. Các khoản cam kết**

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 đồng (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh).

**9.3. Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn và công ty con là Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn lần lượt là 49.324.398.821 VND và 3.066.965.294 VND. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết có nguồn tài trợ tài chính thích hợp để trả nợ đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

**9.4. Danh sách những công ty liên doanh, liên kết chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau chưa được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất: Công ty TNHH APM – Saigon Shipping, Công ty TNHH Korea Express Logistics, Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh.



**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

